

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan.

Ông Nguyễn T Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp RM, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Bùi Xuân T**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Kim L trình bày:

Chị và anh Bùi Xuân T kết hôn ngày 19/6/2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi nhậu không quan tâm lo lắng cho chị.

Trong 03 năm chung sống nhưng lại thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng và không hạnh phúc. Ngoài ra, anh T đuổi chị đi khỏi nhà không rõ lý do và chị ly thân với anh T từ ngày làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Trong thời gian ly thân hai gia đình có tổ chức hàn gắn nhưng chị xác định không thể chung sống lại được, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T không có con chung.

Về con chung, tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung chị xác định không có.

- *Tại biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 10/7/2018 anh Bùi Xuân T trình bày:* Anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nên yêu cầu đoàn tụ. Về tài sản và nợ chung không có. Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh T vắng mặt trong hòa giải và có yêu cầu xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống chị L cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm và ly thân gần hai tháng, đến nay không hàn gắn chung sống lại được, chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh T xác định không có mâu thuẫn và yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy anh T đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do và từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm, điều này cho thấy anh T không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị L và các mâu thuẫn chị L đặt ra là có cơ sở. Ngoài ra, anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng từ khi ly thân đến nay anh không có giải pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng để chung sống lại, hiện tại anh chị vẫn sống ly thân nhau.

Từ các căn cứ phân tích trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống anh chị xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị Nguyễn Kim L được ly hôn với anh Bùi Xuân T.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị L và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008200 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên